

Năm giữ

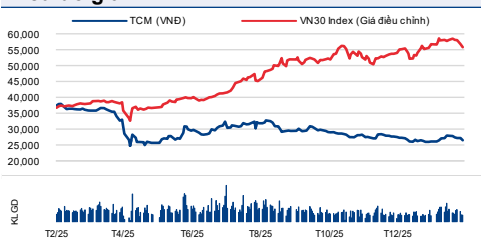
Giá mục tiêu: VNĐ29,200

Tiềm năng tăng/giảm: 9.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/1/2026)	26,600
Mã Bloomberg	TCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,798-37,936
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,775
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,980
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	114
Slg CP lưu hành (tr.đv)	112
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.1
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.01
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.1%
Tỷ lệ sở hữu của NN	50.0%
Tỷ lệ freefloat	43.0%
Cổ đông lớn	E-land (47.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	3,810	3,735	3,731
EBITDA đc (tỷ đồng)	434	457	428
LNTT (tỷ đồng)	350	358	318
LNT ĐC (tỷ đồng)	261	234	201
FCF (tỷ đồng)	154	236	(53.5)
EPS ĐC (đồng)	2,330	2,093	1,795
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	20,181	21,979	23,638
T.trưởng EBITDA (%)	26.4	5.13	(6.17)
T.trưởng EPS ĐC (%)	196	(9.95)	(14.2)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0.10	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.4	12.2	11.5
Tỷ suất LNTT (%)	9.20	9.58	8.51
Tỷ suất LNT ĐC (%)	7.24	7.61	6.76
Tỷ lệ LN trả CT (%)	21.5	23.9	27.9
Nợ thuần/VCSH (%)	11.3	(1.15)	3.16
ROAE (%)	13.0	12.0	9.87
ROACE (%)	13.9	12.8	10.5
EV/doanh thu (lần)	0.70	0.70	0.69
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.14	5.73	6.03
P/E ĐC (lần)	11.4	12.7	14.8
P/B (lần)	1.32	1.21	1.13
Lợi suất cổ tức (%)	1.88	1.88	1.88

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TCM là một trong số ít các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có dây chuyền sản xuất hoàn thiện từ sản xuất sợi đến vải và hàng may mặc.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng

khanh.hp@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng

giang.bnc@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q4/2025: Yếu và thấp hơn kỳ vọng

- KQKD Q4/2025 ghi nhận diễn biến kém và thấp hơn kỳ vọng của HSC. Doanh thu thuần giảm 7% so với cùng kỳ xuống 858 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần giảm mạnh 24% so với cùng kỳ xuống 46 tỷ đồng, thấp hơn dự báo của chúng tôi là 61 tỷ đồng. Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần giảm 4% xuống 3.644 tỷ đồng và lợi nhuận thuần giảm 3% xuống 269 tỷ đồng. KQKD này bằng lần lượt 98% và 95% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Mảng hàng may mặc ghi nhận diễn biến yếu với doanh thu giảm 13% so với cùng kỳ; trong khi đó, mảng sợi phục hồi với doanh thu tăng 16% so với cùng kỳ và mảng vải tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ. Theo thị trường, KQKD tại các thị trường trọng điểm vẫn chịu áp lực trong khi doanh thu tại một số thị trường mới nổi ghi nhận tăng trưởng mạnh.
- HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

TCM ghi nhận doanh thu thuần Q4/2025 đạt 858 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ và thấp hơn 10% so với dự báo của HSC ở mức 949 tỷ đồng. Trong khi đó, lợi nhuận thuần giảm mạnh 24% so với cùng kỳ xuống 46 tỷ đồng, chỉ bằng 75% dự báo quý của chúng tôi là 61 tỷ đồng.

Lợi nhuận gộp đạt 136 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 15,9%, so với 15% trong Q4/2024 và 14,7% trong Q3/2025. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần lại kém khả quan hơn do chi phí bán hàng & quản lý tăng và doanh thu HĐ tài chính giảm. Cụ thể, chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh 21% so với cùng kỳ do chi phí nhân công và các chi phí khác tăng cao. Đồng thời, lãi thuần tài chính giảm 91% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 1 tỷ đồng do lãi tỷ giá giảm mạnh.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần đạt 3.644 tỷ đồng, giảm 4%, trong khi lợi nhuận thuần giảm 3% xuống 269 tỷ đồng. KQKD này bằng lần lượt 98% và 95% dự báo cả năm của chúng tôi.

Mảng hàng may mặc cốt lõi tiếp tục suy yếu trong khi mảng vải chứng lại

Doanh thu mảng hàng may mặc trong Q4/2025 giảm 13% so với cùng kỳ xuống 588 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu bổ sung đơn hàng ở mức thấp từ các khách hàng quốc tế lớn. Tính chung cả năm 2025, doanh thu mảng hàng may mặc đạt 2.642 tỷ đồng, giảm 7%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 hợp nhất, TCM

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% dự báo
Doanh thu thuần	925	858	-7%	3,810	3,644	-4%	98%
Lợi nhuận gộp	139	136	-2%	617	593	-4%	100%
Chi phí BH&QL	66	80	21%	304	284	-6%	104%
Lợi nhuận tài chính	12	1	-91%	27	31	14%	86%
Lợi nhuận thuần	61	46	-24%	276	269	-3%	95%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.0%	15.9%		16.2%	16.3%		
Chi phí BH&QL / doanh thu	7.1%	9.3%		8.0%	7.8%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	6.6%	5.4%		7.2%	7.4%		

Nguồn: TCM

Doanh thu mảng vải tăng 3% so với cùng kỳ đạt 163 tỷ đồng, tuy nhiên đã tăng trưởng đã chậm lại so với các giai đoạn trước. Dù vậy, mảng vải vẫn là mảng ghi nhận KQKD tích cực nhất trong cả năm, với doanh thu tăng trưởng 18%, được thúc đẩy bởi nhu cầu trong nước duy trì ổn định và hoạt động gia tăng nguồn cung gắn với việc tuân thủ các quy định về xuất xứ hàng hóa.

Doanh thu mảng sợi trong Q4/2025 cải thiện 16% so với cùng kỳ đạt 93 tỷ đồng, phản ánh một số dấu hiệu phục hồi của đơn hàng ở khâu thượng nguồn. Tuy nhiên, tính chung cả năm 2025, doanh thu mảng sợi vẫn giảm 9% do KQKD rất yếu trong giai đoạn đầu năm.

Tăng trưởng tại các thị trường mới nổi phần nào bù đắp cho các thị trường trọng điểm

Doanh thu tại các thị trường trọng điểm tiếp tục chịu áp lực. Trong Q4/2025, doanh thu tại thị trường Mỹ giảm 35% so với cùng kỳ, Hàn Quốc giảm 17% so với cùng kỳ và Nhật Bản giảm 11% so với cùng kỳ, đánh dấu thêm một quý suy giảm tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của TCM và là nguyên nhân chính khiến doanh thu thấp hơn kỳ vọng.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, TCM

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
May mặc	675	588	-13%	2,852	2,642	-7%
Vải	158	163	3%	571	675	18%
Sợi	80	93	16%	304	276	-9%
Khác	13	15	20%	84	51	-40%
Tổng	925	858	-7%	3,810	3,644	-4%

Nguồn: TCM, HSC ước tính

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu theo thị trường, TCM

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
Mỹ	232	151	-35%	804	610	-24%
Hàn Quốc	312	258	-17%	1,159	1,022	-12%
Nhật Bản	126	112	-11%	659	624	-5%
Việt Nam	70	91	30%	290	392	35%
Canada	45	64	41%	226	283	25%
EU	47	80	68%	160	267	67%
Khác	92	102	11%	513	448	-13%
Tổng	925	858	-7%	3,810	3,644	-4%

Nguồn: TCM, HSC ước tính

Trong khi đó, doanh thu thị trường nội địa tăng mạnh 30% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu cao đối với vải và hàng may mặc sản xuất trong nước. Một số thị trường mới nổi khác cũng đóng góp tích cực, hỗ trợ tăng trưởng chung. Trong đó, doanh thu tại Canada tăng 41% so với cùng kỳ và châu Âu tăng mạnh 68% so với cùng kỳ, được hỗ trợ bởi chiến lược đa dạng hóa khách hàng và các lộ hàng hưởng ưu đãi thuế theo các hiệp định thương mại hiện hành.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Theo Công ty, tính đến cuối tháng 1/2026, đơn hàng cho Q1/2026 đã hoàn thành khoảng 80% kế hoạch HĐKD, cho thấy triển vọng có thể tích cực hơn trong thời gian tới. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị cho năm 2026.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,325	3,810	3,735	3,731	3,900
Lợi nhuận gộp	499	617	595	567	597
Chi phí BH&QL	(284)	(304)	(273)	(276)	(292)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	215	313	323	291	304
Lãi vay thuần	(31.3)	26.8	35.6	27.0	28.6
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.99	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.27	11.0	(0.51)	(0.51)	(0.51)
LNTT	189	350	358	318	332
Chi phí thuế TNDN	(55.0)	(72.4)	(71.5)	(63.5)	(66.4)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.90)	(2.00)	(2.06)	(1.83)	(1.92)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	132	276	284	252	264
Lợi nhuận thuần ĐC	105	261	234	201	218
EBITDA ĐC	344	434	457	428	448

EPS (đồng)	786	2,324	2,093	1,795	1,950
EPS ĐC (đồng)	938	2,330	2,093	1,795	1,950
DPS (đồng)	0	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	112	112	112	112	112
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	112	112	112	112	112
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	112	112	112	112	112

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	435	563	1,037	895	922
Đầu tư ngắn hạn	313	533	299	448	468
Phải thu khách hàng	329	556	642	883	1,013
Hàng tồn kho	1,028	1,003	943	1,009	1,074
Các tài sản ngắn hạn khác	26.1	35.2	34.5	34.5	36.1
Tổng tài sản ngắn hạn	2,131	2,690	2,955	3,270	3,513
TSCĐ hữu hình	756	845	739	705	670
TSCĐ vô hình	180	179	174	173	172
Bất động sản đầu tư	2.38	2.31	2.17	2.03	1.89
Đầu tư dài hạn	37.4	62.4	61.1	61.1	64.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	8.34	8.34	8.34	8.34	8.34
Tài sản dài hạn khác	164	108	163	163	163
Tổng tài sản dài hạn	1,149	1,205	1,147	1,112	1,079
Tổng cộng tài sản	3,279	3,896	4,102	4,382	4,593
Nợ ngắn hạn	632	712	812	782	752
Phải trả người bán	265	479	299	422	425
Nợ ngắn hạn khác	211	261	255	255	267
Tổng nợ ngắn hạn	1,173	1,518	1,432	1,525	1,513

Nợ dài hạn	48.0	59.6	150	150	150
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.50	2.50	2.45	2.45	2.56
Nợ dài hạn khác	18.0	16.7	16.4	16.4	17.1
Tổng nợ dài hạn	68.5	78.8	168	168	169
Tổng nợ phải trả	1,269	1,624	1,627	1,719	1,709

Vốn chủ sở hữu	2,000	2,261	2,463	2,648	2,867
Lợi ích cổ đông thiểu số	10.1	10.6	12.7	14.5	16.4
Tổng vốn chủ sở hữu	2,010	2,272	2,475	2,663	2,883
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,279	3,896	4,102	4,382	4,593
BVPS (đ)	17,851	20,181	21,979	23,638	25,590
Nợ thuần/(tiền mặt)	246	208	(76.0)	36.1	(20.6)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	215	313	323	291	304
Khấu hao	(129)	(122)	(134)	(137)	(144)
Lãi vay thuần	(31.3)	26.8	35.6	27.0	28.6
Thuế TNDN đã nộp	(53.4)	(69.9)	(71.5)	(63.5)	(66.4)
Thay đổi vốn lưu động	136	(1.39)	(105)	(342)	(184)
Khác	(50.1)	3.70	(1.10)	(14.4)	(11.5)
LCT thuần từ HKKD	414	392	315	49.1	226
Đầu tư TS dài hạn	(42.0)	(237)	(79.4)	(103)	(110)
Góp vốn & đầu tư	(193)	(196)	0	0	0
Thanh lý	57.9	81.6	(2.56)	(2.56)	(2.56)
Khác	115	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(62.4)	(352)	(81.9)	(105)	(113)
Cổ tức trả cho CSH	(57.9)	(0.74)	(50.9)	(56.1)	(56.1)
Thu từ phát hành CP	0	0	102	0	0
Tăng/giảm nợ	(194)	92.0	190	(30.0)	(30.0)
Khác	(87.1)	(3.09)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(339)	88.2	241	(86.1)	(86.1)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	422	435	563	1,037	895
LCT thuần trong kỳ	12.8	128	474	(142)	26.6
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	0.56	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	435	563	1,037	895	922
Dòng tiền tự do	372	154	236	(53.5)	115

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.0	16.2	15.9	15.2	15.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.3	11.4	12.2	11.5	11.5
Tỷ suất LNT (%)	3.97	7.24	7.61	6.76	6.77
Thuế TNDN hiện hành (%)	29.1	20.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(23.3)	14.6	(1.98)	(0.09)	4.51
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(29.7)	26.4	5.13	(6.17)	4.51
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(55.7)	148	(10.2)	(14.2)	8.65
Tăng trưởng EPS (%)	(62.9)	196	(9.95)	(14.2)	8.65
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(55.7)	148	(10.2)	(14.2)	8.65
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	0.10	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	21.5	23.9	27.9	25.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.65	13.0	12.0	9.87	9.57
ROACE (%)	10.1	13.9	12.8	10.5	10.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.98	1.06	0.93	0.88	0.87
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.93	1.25	0.98	0.17	0.74
Số ngày tồn kho	133	115	110	116	119
Số ngày phải thu	42.5	63.5	74.6	102	112
Số ngày phải trả	34.3	54.7	34.7	48.6	47.0

Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	14.6	11.3	(1.15)	3.16	1.02
Nợ/tài sản (%)	22.2	21.0	24.6	22.3	20.7
EBIT/lãi vay (lần)	6.87	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.12	1.89	2.21	2.29	2.12
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.82	1.77	2.06	2.15	2.32

Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.88	0.70	0.70	0.69	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.51	6.14	5.73	6.03	5.60
P/E (lần)	33.8	11.4	12.7	14.8	13.6
P/E ĐC (lần)	28.4	11.4	12.7	14.8	13.6
P/B (lần)	1.49	1.32	1.21	1.13	1.04
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.88	1.88	1.88	1.88

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn